

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2022/DS-ST

Ngày: 13-5-2022

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thung.

2. Bà Trần Thị Ngọc Hân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý– Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2252021/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2022, về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST – DS ngày 20 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

Đại diện ủy quyền: Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

(*Chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà T vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đại diện ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị H, chị Đỗ Thị Thu N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, chị N trình bày:**

Vào ngày 27/9/2020, bà H cho bà T mượn số tiền 29.000.000 đồng, thỏa thuận trong thời hạn 14 ngày trả tiền (tức ngày 12/10/2020 trả tiền), nhưng đến nay bà T chưa trả tiền.

Nay bà H yêu cầu bà T trả lại số tiền 29.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 12/10/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.**

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, nên áp dụng giải quyết theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

[2] Xét thấy chị N (đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H) và bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập dự phiên tòa hợp lệ, đúng theo quy định của pháp luật; chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà T vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N (đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà H) và bà T theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bà và yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Xét bà H yêu cầu bà T trả lại 29.000.000 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở. Bởi lẽ, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy vào ngày 27/9/2020 bà H cho bà T mượn số tiền 29.000.000 đồng, thỏa thuận trong thời hạn 14 ngày trả tiền lại cho bà H, nhưng đến nay bà T chưa trả tiền. Bà H có cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của bà H là bản chính giấy mượn tiền ngày 27/9/2020 (bút lục 38), có thể hiện nội dung: bà T có mượn của bà H tổng số tiền 29.000.000 đồng. Bà T đã được nhiều lần tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; nội dung các tài liệu, chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của bà H cho bà T, nhưng bà T vẫn vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến; chứng tỏ bà T đã từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ cho bà H. Do đó, bà H yêu cầu bà T trả lại số tiền nêu trên là có cơ sở; nên chấp nhận.

- Về lãi suất: Bà H yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng của số tiền 29.000.000 đồng, tính từ ngày 12/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/5/2022 (19 tháng) là có cơ sở. Bởi lẽ, bà T vi phạm thời gian trả tiền, nên phải chịu trả tiền lãi. Bà H yêu cầu tính lãi suất như trên là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự; nên chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau: 29.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 19 tháng = 4.573.300 đồng. Do đó, buộc bà T trả cho bà H số tiền lãi 4.573.300 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H: Buộc bà T nghĩa vụ trả cho bà H 33.573.300 đồng (vốn 29.000.000 đồng và lãi 4.573.300 đồng), trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là có cơ sở, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.
 - Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
 - Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

- Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 33.573.300 đồng (*Ba mươi ba triệu năm trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm đồng*); trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí:

+ Bà T phải chịu 1.679.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho bà H 809.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0005869 ngày 22/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Bà H, chị N (đại diện ủy quyền của bà H), bà T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
 THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu